

Số: 1244 /QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 02 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thu hồi đất tại thôn Nhân Trung, xã Quảng Ninh để thực hiện dự án:
Khu xưởng sản xuất cơ khí, lắp ráp tủ điện, thang máy
tại thôn Nhân Trung, xã Quảng Ninh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 29/06/2024 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết 254/2025/QH15 về việc Quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 132/2025/QĐ-UBND ngày 22/10/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Nghị quyết số 45/2024/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Căn cứ Quyết định số 75/2024/QĐ-UBND ngày 08/11/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành quy định đơn giá, bồi thường thiệt hại cây trồng, vật nuôi; việc hỗ trợ di dời vật nuôi khi nhà nước thu đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Quyết định 102/2025/QĐ-UBND ngày 11/8/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi Điều 3 của Quyết định số 75/2024/QĐ-UBND ngày 08/11/2024 của UBND tỉnh

và một số điều của quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi; việc hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa ban hành kèm theo Quyết định số 75/2024/QĐ-UBND ngày 08/11/2024 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 41/2026/QĐ-UBND ngày 28/5/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Ban hành Đơn giá xây dựng nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 1413/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận cho Công ty cổ phần Thành Minh MTC-2 nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư tại xã Quảng Ninh, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 1959/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 02/07/2026 về việc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án: Khu xưởng sản xuất cơ khí, lắp ráp tủ điện, thang máy tại xã Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 19/8/2026 của UBND xã Quảng Ninh về việc Thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án: Khu xưởng sản xuất cơ khí, lắp ráp tủ điện, thang máy tại xã Quảng Ninh, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ theo trích lục bản đồ địa chính khu đất số 708/TLBĐ ngày 22/09/2026 của Văn phòng đăng ký đất đai Thanh Hóa;

Căn cứ kế hoạch số 237/KH-HĐBTHTTĐC ngày 03/09/2026 của Hội đồng bồi thường hỗ trợ tái định cư dự án Khu xưởng sản xuất cơ khí, lắp ráp tủ điện, thang máy tại thôn Nhân Trung, xã Quảng Ninh;

Căn cứ Thông báo thu hồi đất số: 231/TB-UBND ngày 16/9/2026 của UBND xã Quảng Ninh về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu xưởng sản xuất cơ khí, lắp ráp tủ điện, thang máy tại xã Quảng Ninh, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ quyết định số 1239/QĐ-UBND ngày 30/9/2026 của về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu xưởng sản xuất cơ khí, lắp ráp tủ điện, thang máy tại thôn Nhân Trung, xã Quảng Ninh;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế xã Quảng Ninh tại Tờ trình số 344/TTr-KT ngày 01/10/2026 về việc đề nghị thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu xưởng sản xuất cơ khí, lắp ráp tủ điện, thang máy tại thôn Nhân Trung, xã Quảng Ninh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi **11.622,9m²** đất tại thôn Nhân Trung, xã Quảng Ninh của **01** đối tượng. Trong đó: 01 tổ chức (UBND xã Quảng Ninh).

(Có danh sách chi tiết kèm theo).

Lý do thu hồi đất: Để thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất theo Khoản 2 Điều 127 Luật Đất đai năm 2024. Cụ thể để thực hiện dự án: Khu xưởng sản xuất cơ khí, lắp ráp tủ điện, thang máy tại xã Quảng Ninh.

Điều 2. Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, cụ thể như sau:

1. Phòng Kinh tế có trách nhiệm giao quyết định này đến tổ chức, cá nhân có đất thu hồi; Trường hợp người có đất thu hồi không nhận Quyết định này hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản; niêm yết Quyết định này tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã và tại nơi sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư thôn có đất bị thu hồi để thực hiện dự án. Quản lý phần diện tích đất còn lại của thửa đất sau khi thu hồi nhỏ hơn diện tích tối thiểu theo quy định của UBND tỉnh Thanh Hóa (nếu có) theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt; không được tự ý chuyển mục đích sử dụng đất khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép.

2. Văn phòng HĐND-UBND xã Quảng Ninh có trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên trang thông tin điện tử của UBND xã Quảng Ninh.

3. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có trách nhiệm quản lý quỹ đất đã thu hồi phối hợp với phòng Kinh tế thực hiện thủ tục đất đai theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng các phòng: Kinh tế; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan; Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các tổ chức, người có đất thu hồi có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT.

CHỦ TỊCH**Nguyễn Bá Tài**

DANH SÁCH THU HỒI ĐẤT

Thực hiện dự án Khu xưởng sản xuất cơ khí, lắp ráp tủ điện, thang máy tại thôn Nhân Trung, xã Quảng Ninh.

(Kèm theo quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Ninh)

TT	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất	Đối tượng sử dụng, quản lý	Địa chỉ thửa đất	Ghi chú
1	46	947	464,2	22,4	DTL	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
2	46	948	286,2	111,4	LUK	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
3	46	951	74,7	51,1	DGT	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
4	46	952	127,5	77,3	LUK	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
5	46	954	402,1	326,9	LUC	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
6	46	2113	768,5	768,5	LUC	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
7	46	1023	358,0	332,0	DGT	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
8	46	1024	608,7	504,3	LUK	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
9	46	1025	317,3	317,3	LUK	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
10	46	1032	304,4	304,4	LUK	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
11	46	1033	66,5	66,5	BCS	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
12	46	1034	184,6	177,9	LUK	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
13	46	1035	67,1	63,9	LUK	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
14	46	1068	105,0	97,0	LUK	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	

15	46	1069	163,4	153,9	LUK	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
16	46	1070	72,6	72,6	BCS	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
17	46	1074	115,8	115,8	LUK	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
18	46	1075	156,5	156,5	LUK	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
19	46	1076	169,8	169,8	LUK	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
20	46	1077	100,6	100,6	LUK	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
21	46	1078	285,3	285,3	LUK	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
22	46	1080	358,3	5,0	DGT	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
23	46	1109	367,3	301,1	DGT	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
24	46	1111	170,9	170,9	LUK	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
25	46	1112	262,7	262,7	LUK	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
26	46	1113	110,0	110,0	LUK	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
27	46	1114	123,6	123,6	LUK	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
28	46	1121	292,2	255,1	LUK	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
29	46	1122	177,8	151,2	LUK	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
30	46	1123	596,3	117,0	DGT	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
31	46	1133	121,8	105,1	LUK	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
32	46	1134	131,3	113,9	LUK	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
33	46	1135	134,1	114,8	LUK	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	

34	46	1138	239,5	239,5	LUK	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
35	46	1139	218,8	218,8	LUK	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
36	46	1140	132,9	132,9	LUK	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
37	46	1142	4,3	4,3	NTD	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
38	46	1143	34,7	34,7	LUK	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
39	46	1144	8,0	8,0	NTD	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
40	46	1145	225,0	225,0	LUK	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
41	46	1146	125,3	125,3	LUK	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
42	46	1147	322,6	322,6	LUK	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
43	46	1179	319,8	249,3	DTL	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
44	46	1180	403,2	403,2	LUK	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
45	46	1181	150,3	150,3	DTL	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
46	46	1184	21,4	21,4	BCS	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
47	46	1185	191,8	191,8	LUK	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
48	46	1186	88,8	88,8	LUK	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
49	46	1187	236,9	236,9	LUK	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
50	46	1188	250,0	250,0	LUK	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
51	46	1191	138,0	121,0	LUK	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
52	46	1192	111,7	99,0	LUK	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	

53	50	4	49,7	35,2	LUK	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
54	50	5	185,2	178,4	LUK	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
55	50	6	200,0	200,0	LUK	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
56	50	9	132,4	132,4	LUK	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
57	50	10	37,2	37,2	NTD	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
58	50	11	10,4	10,3	DGT	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
59	50	13	144,1	144,1	LUK	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
60	50	20	140,4	140,4	LUK	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
61	50	21	243,2	243,2	LUK	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
62	50	22	295,8	295,8	LUK	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
63	50	55	90,0	90,0	LUK	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
64	50	56	69,1	68,9	LUK	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
65	50	58	109,2	97,7	LUK	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
66	50	59	219,9	186,0	LUK	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
67	50	70	278,7	269,9	LUK	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
68	50	115	8,820,4	206,1	DGT	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
69	50	119	224,2	58,7	DTL	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Trung	
Tổng				11.622,9				